

## Phụ lục 1 A

### Thiên di - Bản địa

Viết cuốn sách này, tôi biết tôi sẽ phải đối mặt với 2 thách thức ghê gớm: một là định kiến của một số học giả đối với thuyết truyền bá-thiên di, hai là mặc cảm của một số người về nguồn gốc phương Bắc, thường được hiểu là nguồn gốc Trung Quốc của tổ tiên.<sup>1</sup>

Để vượt qua được hai thách thức đó, ngoài việc phải “nói có sách, mách có chứng”, phải có các luận cứ mang tính hệ thống-tổng thể cho mỗi giả thuyết, còn phải tìm cách giúp các độc giả nào đó rũ bỏ và cũng vượt qua được hai định kiến và mặc cảm trên.

#### 1. Thuyết truyền bá-thiên di

Gần 40 năm trước, Trần Từ ( tức Nguyễn Đức Từ Chi), người Anh Cả của các nhà dân tộc học Việt Nam, trong cuốn *Hoa văn cập váy Mường* (1976) đã viết:” Qui lý lịch cho hoa văn...là một trò chơi nguy hiểm. Ssinh tay một tí là rơi khi nào không hay vào thiên la địa võng của các thuyết thiên di”.

Qui lý lịch tức là đi tìm nguồn gốc. Vậy các thuyết thiên di đó là “trò chơi nguy hiểm” thế nào, chúng giăng “thiên la địa võng” ra sao mà khiến một học giả uyên thâm và cẩn trọng như Trần Từ phải nâng cao tinh thần cảnh giác đến vậy khi ông mới chỉ muốn tìm nguồn gốc cho hoa văn cập váy Mường?

Các thuyết thiên di mà Trần Từ nói tới đó còn được gọi là thuyết truyền bá<sup>2</sup>, một thuyết của ngành nhân học ( hiện gồm cả dân tộc học, khảo cổ học, ngôn ngữ học) ra đời vào cuối thế kỷ 19 và liên tục phát triển trong thế kỷ 20 với nhiều biến thể như :

-Thuyết truyền bá một trung tâm cho rằng mọi phát minh lớn và mọi nền văn hóa thời cổ đại đều có chung một cội nguồn và được truyền bá thông qua các cuộc thiên di. Các học giả theo thuyết này chứng minh ở thời tiền sử, Ai Cập hay Lưỡng Hà là quê hương của nghề nông, nghề dệt, nghề luyện kim, nghề đi biển và của văn hóa Đá Mới ở nhiều nơi trên thế giới. Thuyết này giờ đã hoàn toàn lỗi thời.

-Thuyết truyền bá nhiều trung tâm hay vòng văn hóa cho rằng các nền văn hóa đều có gốc từ một số trung tâm văn hóa lớn như Ai Cập, Lưỡng Hà, châu Âu, Trung Quốc và Ấn Độ.

---

<sup>1</sup> Phương Bắc là khái niệm truyền thống của cha ông và chính xác hơn khái niệm Trung Quốc, xuất hiện trong *Thượng Thư* (thế kỷ 6 TCN) dùng để chỉ người Hoa Hạ và nước của người Hoa Hạ ở vùng Trung nguyên (Hà Nam-Hà Bắc). Trung Quốc cho đến trước thời Hán vẫn là tập hợp của nhiều nước của nhiều tộc người, ở Nam Dương Tử là nước của người Bách Việt . Hiện Trung Quốc vẫn là nước của 56 tộc người.

<sup>2</sup> Tiếng Anh, Pháp diffusionism, được dịch bằng các từ: truyền bá, khuếch tán, thiên di. Tôi chọn từ truyền bá.

-Thuyết truyền bá thông qua hỗn dung văn hóa cho rằng các văn hóa đều có tác động qua lại, quá trình truyền bá văn hóa vừa có tính tự nhiên vừa có tính áp đặt thông qua các cuộc thiên di gắn với việc trao đổi hôn nhân, buôn bán, làm ăn và cả các cuộc chiến tranh xâm lược, đô hộ, việc buôn bán nô lệ.

Nhìn chung, trong khi tìm cách lý giải những tương đồng giữa các nền văn hóa, các học giả theo các thuyết truyền bá thường xác định sự lan tỏa của một yếu tố từ gốc tới các cành ngọn. Họ tin đa số các phát minh lớn chỉ diễn ra một lần, ở một nơi và sau đó được truyền bá đi các nơi khác. Sự vay mượn ý tưởng là hiện tượng bình thường và phổ biến. Bất chước, đổi mới cái đã có thường dễ hơn tạo ra cái chưa từng có. Văn hóa, về bản chất, là các giá trị không phải được di truyền từ bố mẹ mà là được học hỏi và chia sẻ giữa mọi người trong xã hội. Mọi nền văn hóa luôn biến đổi và phát triển chủ yếu thông qua giao lưu và vay mượn lẫn nhau. Sự kế thừa các giá trị văn hóa là nhân tố quan trọng nhất trong quá trình biến đổi và phát triển văn hóa của loài người. Có người ước tính, ở bất kỳ nền văn hóa nào, tỷ lệ các yếu tố vay mượn cũng chiếm tới 80% .v.v. và v.v.

Vấn đề là, trong khi khái niệm truyền bá văn hóa được chấp nhận rộng rãi và ít gây tranh cãi thì một số lý giải mang tính cực đoan hay thiên vị đã dẫn đến những định kiến cho rằng loài người có những tộc người thượng đẳng chuyên sáng tạo và truyền bá văn hóa cho những tộc người hạ đẳng không hay ít có khả năng sáng tạo. Vì thế, các thuyết truyền bá một thời thường bị qui kết là tiếp tay hay biện hộ cho chủ nghĩa phân biệt chủng tộc và cho các thế lực thực dân- đế quốc.

Vì thế, sau chiến thắng Điện Biên năm 1954 ở Việt Nam, khi phong trào giải phóng dân tộc đang dâng cao trên thế giới và hệ thống xã hội chủ nghĩa đang lan tỏa khắp nơi thì nhiều học giả cấp tiến phương Tây, hoặc thể hiện sự sám hối về những tội lỗi và bất công của chủ nghĩa đế quốc- thực dân, hoặc thể hiện sự dị ứng với chủ nghĩa cộng sản đang được truyền bá mạnh mẽ, đã quay lưng lại với các thuyết truyền bá- thiên di và nhiệt tình ủng hộ cho thuyết tiến hóa xã hội hay thuyết bản địa.

## **2. Thuyết tiến hóa xã hội hay thuyết bản địa**

Trái với thuyết truyền bá, thuyết tiến hóa xã hội <sup>1</sup> dựa trên thuyết tiến hóa sinh vật học của Darwin, chủ trương văn hóa phát triển tuần tự từ thấp đến cao, chủ yếu do các nhân tố nội sinh hay bản địa. Do loài người có tâm –sinh lý như nhau nên mọi dân tộc trên trái đất có khả năng sáng tạo và đổi mới văn hóa như nhau. Từ đó, mọi phát minh có thể diễn ra độc lập với nhau và sự truyền bá chỉ có tác động nhất định đối tới sự phát triển văn hóa của mỗi tộc người. Về cơ bản, mọi tộc người trên thế giới từ khi ra đời đã phát triển độc lập, tại chỗ và sự đổi mới văn hóa là một quá trình liên tục về cơ bản mang tính bản địa.

---

<sup>1</sup> Tiếng Anh: social evolutionism

Phải nói rằng, những luận điểm của thuyết tiến hóa xã hội hay thuyết bản địa mang đầy tính nhân văn, nhân đạo cao cả và rất phù hợp với tinh thần độc lập-tự tôn dân tộc. Không ngạc nhiên, thuyết đó trở nên thời thượng từ những năm 1960 và đó chính là một lý do dẫn đến huyền thoại Bản Chiềng (Phụ lục 1 B).

Tại Việt Nam, thời kỳ 1960-1990 cũng là thời Việt Nam kháng chiến chống Mỹ và xây dựng xã hội kiểu chủ nghĩa xã hội. Để hiểu, việc bài xích và lên án thuyết truyền bá-thiên di được đồng nhất với việc bài xích và lên án chủ nghĩa tư bản, hệ tư tưởng tư sản gắn với mọi kẻ thù đế quốc thực dân xâm lược. Ngược lại, việc ủng hộ thuyết tiến hóa-bản địa được coi là sự thể hiện tinh thần độc lập dân tộc, lòng yêu nước và yêu xã hội chủ nghĩa.

Trong cuốn *Cơ sở khảo cổ học*, giáo trình của Đại học Quốc gia Hà Nội được xuất bản cách đây không lâu, chúng ta vẫn thấy những câu chép lại từ sách vở thời ấy như: “Những nhà khảo cổ học tư sản dùng sự thiên di và vay mượn để lý giải những biến đổi kinh tế-xã hội. Lý thuyết của họ mang nặng màu sắc của chủ nghĩa chủng tộc. Khảo cổ học Mác-Lênin không phủ nhận thiên di và vay mượn nhưng cho rằng động lực chủ yếu của sự phát triển xã hội là động lực nội tại. Thiên di và vay mượn không phải là nội dung chủ yếu của quá trình lịch sử (Hán Văn Khẩn: 2008:72).

Đặt những câu trên vào bối cảnh xã hội những năm 1970, chúng ta hiểu vì sao Trần Từ phải nâng cao cảnh giác với các thuyết thiên di-truyền bá đến vậy.

Sau những năm 1990, những tưởng rằng khi chiến tranh lạnh Đông-Tây không còn; khi trong khảo cổ học và dân tộc học thế giới đã có sự “trở lại” của các thuyết truyền bá-thiên di mang tính khoa học, thực chứng, cân bằng hơn; khi ở Việt Nam sự Đổi Mới Tư Duy dẫn đến các chính sách Hội nhập và Phát triển đã gạt hái những thành tựu hiển nhiên... thì những định kiến với thuyết truyền bá-thiên di ở Việt Nam sẽ dần dịu nhạt. Nhưng không, sự cố truyền thông với nhà khảo cổ học Úc Marc Oxenham năm 2005 đã chứng tỏ chúng vẫn là một nỗi ám ảnh với các nhà khoa học xã hội Việt Nam, nhất là với một số nhà khảo cổ học.

### 3. Sự cố truyền thông với Marc Oxenham

Marc Oxenham là một nhà khảo cổ học Úc, tham gia đoàn quốc tế gồm các học giả Việt Nam, Úc, Nhật khai quật di chỉ Mán Bạc thuộc văn hóa Phùng Nguyên.

Ngày 11/2/2005, đài BBC tiếng Việt dẫn lời Oxenham đưa tin về kết quả cuộc khai quật, lập tức gây một “cú sốc”, khiến Oxenham chịu đủ “tai bay vạ gió” với “búa rìu dư luận” ở Việt Nam. Một bài viết trên *Việt Báo*, trang mạng của Trung tâm Báo chí và Truyền thông Quốc tế thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông Việt Nam được trích dẫn nguyên văn dưới đây sẽ giúp chúng ta hiểu phần nào về sự cố này.<sup>1</sup>

---

<sup>1</sup> <http://vietbao.vn/Van-hoa/TS-Marc-Oxenham-Toi-that-vong-ve-thong-tin-lech-lac/20422593/181/>

"...Bài viết giật hai tí phụ rất ấn tượng: "Ai là "Thần nông" của người Việt?" và "Vua Hùng từ đâu tới?". Để trả lời cho hai câu hỏi do mình tự đặt ra, tác giả bài viết trích dẫn ý kiến (trực tiếp hoặc gián tiếp) từ người được phỏng vấn là Marc Oxenham.

Theo đó, câu trả lời cho câu hỏi thứ nhất "Ai là "Thần nông" của người Việt?" (ý nói đến nguồn gốc nền văn minh nông nghiệp của người Việt cổ) là: "*Nền văn hoá nông nghiệp của người Việt cổ được du nhập từ những bộ lạc di cư từ phương Bắc xuống*".

Với câu hỏi thứ hai "Vua Hùng từ đâu tới?" (muốn ám chỉ nguồn gốc người Việt hiện đại), bài báo kết luận: "*Người Việt hiện đại rất có thể là sự kết hợp nòi giống giữa người cổ đại phương Bắc và người chủng Đa Đảo cổ đại từ chừng 4.000 năm trước*".

Những kết luận nêu trên, do việc BBC Việt Ngữ trích dẫn lời của một thành viên đoàn khai quật đã tạo nên làn sóng phẫn nộ trong các nhà khoa học và khảo cổ VN. Ngay lập tức, Chủ tịch Viện KHXH VN (Viện Khoa học Xã hội Việt Nam), ông Đỗ Hoài Nam, đã có văn bản đề nghị Viện Khảo cổ học VN phải tìm hiểu và báo cáo về sự việc này.

Phó Viện trưởng Viện Khảo cổ học VN, TS Hà Văn Phụng nói: "Qua bài viết này, nội dung khoa học bị xuyên tạc đi ghê gớm. TS. Matsumura Hirofumi, Trưởng đoàn về phía Nhật Bản mới đây cũng gửi thư cho chúng tôi đề nghị Viện Khảo cổ học kháng nghị Marc một cách mạnh mẽ".

Quan điểm chung của giới khoa học VN là không có cái nôi nào mà từ đó nền văn minh nông nghiệp phát tán đi các nơi. Do trình độ phát triển về kỹ thuật, thời điểm chuyển từ săn bắt hái lượm sang trồng trọt của bộ lạc này có thể muộn hơn của bộ lạc khác, nhưng điều đó không có nghĩa là nơi chuyển đổi sau tiếp thu nền nông nghiệp của nơi chuyển đổi trước. Đối với trường hợp mối quan hệ giữa nền nông nghiệp của người Việt cổ và nền nông nghiệp của các tộc người trên mảnh đất ngày nay là Trung Quốc, tình hình cũng tương tự: đến nay, chưa có chứng cứ gì để nói về việc nông nghiệp đi từ Nam lên hay từ Bắc xuống.

GS Trần Quốc Vượng khẳng định: "Không có một trung tâm nào trên thế giới, từ đó nghề nông được truyền sang các vùng khác. Các cư dân Hoa Bắc thời cổ vốn trồng kê, cao lương và sau là lúa mạch. Còn các cư dân Đông Nam Á trồng lúa mùa theo các mùa nước...

TS. Marc Oxenham đã có nhiều đơn từ gửi cho Viện Khảo cổ học VN giải thích về sự việc. Ông cho biết, ông không hề đưa ra kết luận nào như đã đăng tải trên đài BBC Việt Ngữ.

Trả lời phỏng vấn phóng viên của Việt báo, Marc cho biết: Tôi vô cùng thất vọng và rất giận giữ về việc đài BBC đã công bố không đúng ý kiến của tôi về Mán Bạc. Tôi đã rất phẫn chấn khi công bố với BBC về chương trình hợp tác này cũng như những gì mà chúng tôi đã tìm được bởi vì tôi muốn có nhiều người Việt hiểu về quá khứ của Việt Nam cũng như về những chương trình hợp tác nghiên cứu khảo cổ học rất đáng chú ý trên đất nước của họ. Mặc dầu vậy, đài BBC đã sử dụng hoàn toàn sai ý kiến của tôi vào những mục đích chính trị của họ.

Về nguồn gốc nông nghiệp của người Việt cổ và quá trình hình người Việt, Oxenham nói: "...Ta biết rằng ở Trung Quốc, vào khoảng 8000 năm cách ngày nay đã có một vài dạng hình của nông nghiệp. Chúng ta cũng biết rằng ở thời điểm đó, tại Đông Nam Á (kể cả Việt Nam) không có chứng cứ gì về nông nghiệp. Như vậy, liệu những bộ lạc sống ở vùng phía Bắc Việt Nam có đem nông nghiệp đến đây hay nông nghiệp đã phát triển một cách độc lập bởi những bộ lạc cổ sống trên mảnh đất này? Tôi nghiêng về hướng tin rằng nông nghiệp đã phát triển độc lập ở Việt Nam thời cổ... Các nhà khảo cổ học VN, như PGS. Nguyễn Lân Cường, cho rằng người Việt cổ trông giống Australo-Melanesian. Điều này không có nghĩa là họ giống người Úc ngày nay hay người Melanesia mà nghĩa là họ có một số đặc điểm hình thái mặt tương tự như người Đông Indonesia (ví dụ như người Đông Timor). Cư dân thuộc văn hoá Đa

Bút (khoảng 5000-6000 năm cách nay) có nhiều đặc điểm Australo–Melanesian hơn là người Việt hiện đại. Những xương cốt người Việt hiện đại được gọi là loại hình Mongoloid (loại hình này còn bao gồm người Đông Nam Á, người Nhật, và người Trung Quốc). Những người này rõ ràng là rất khác nhau nhưng rất khó phân biệt họ qua xương cốt. Hiện tại chúng tôi chưa rõ liệu có một hay hai nhóm khác biệt ở người Mán Bạc. Phải chăng đã có một sự hỗn chủng giữa loại hình người “Mongoloid” và người “Australo-Melanesian” ở Mán Bạc? Nếu có sự hỗn chủng, thì điều đó có ý nghĩa gì? Phải chăng nó chỉ ra rằng người Việt cổ đã tiến hoá thành người Việt hiện đại và điều này bắt đầu xuất hiện vào giai đoạn Mán Bạc? Phải chăng người Mongoloid đã di cư từ phía Nam hay phía Bắc đến và hỗn chủng với loại hình Australo-Melanesian bản địa? Tuy nhiên, trước khi hoàn thiện các nghiên cứu chính lý chi tiết xương cốt ở Mán Bạc, chúng tôi chưa thể có câu trả lời...”

Trước hết, cần nhấn mạnh rằng, khi trả lời BBC, về cơ bản, Oxenham đã nói đúng như những kết quả nghiên cứu được công bố rộng rãi vào các năm 2008, 2010 (Chương 3). Điều đã “tạo nên làn sóng phản nộ trong các nhà khoa học và khảo cổ VN” chính là những điều Oxenham nói, qua sự biên tập của BBC đã được coi như mang màu sắc của thuyết truyền bá –thiên di, trái ngược với thuyết tiến hóa-bản địa chính thống ở Việt Nam. Làn sóng đó đã tạo ra một sức ép ghê gớm khiến Oxenham buộc phải nói hoặc lấp lửng nước đôi hoặc chiều theo dư luận. Tương tự, GS Trần Quốc Vượng, khi trả lời phỏng vấn BBC cũng phải chọn cách nói chung chung, khác với những gì ông hằng nghĩ và đã nói khi bàn về nguồn gốc của văn hóa Phùng Nguyên (Chương 1).

Trong cuốn sách này là một công trình nghiên cứu khoa học này, tôi sẽ phải đưa ra các tư liệu khoa học. Vậy các tư liệu khoa học mới nhất và đang được công nhận rộng rãi đã và đang nói gì về nguồn gốc của nông nghiệp ở Đông Á –Đông Nam Á ?

#### 4. Nguồn gốc của Thần Nông.

Trong Chương 1, chúng ta đã thấy, cả hai giả thuyết của Higham và Bellwood đều xác định quê hương của cây lúa và nghề trồng lúa là vùng hồ Động Đình.

Trong cuốn *Những nhà nông đầu tiên* –Bellwood ( 2005/2010) đã nêu và chứng minh giả thuyết về sự lan tỏa đồng hành của nhà nông-nông nghiệp-ngôn ngữ và văn hóa Đá Mới trên khắp thế giới, trong đó có sự lan tỏa của nhà nông-cây lúa và nghề trồng lúa từ vùng hồ Động Đình tới Việt Nam.

Tư liệu khảo cổ học khẳng định các hạt lúa hoang hóa thạch ở di chỉ Điều Thông Hoàn ( Giang Tây, cách bờ Nam Dương Tử 150 km) có niên đại cách đây tới 9000 năm, người Ngọc Thiềm Nham ở Hồ Nam, ven hồ Động Đình đã trồng cây lúa được thuần hóa cách đây 8000 năm (Bellwood 2010:131).

Năm 2011, một nghiên cứu phối kết hợp của các học giả tại 4 trường Đại học lớn ở Mỹ đã cung cấp bằng chứng di truyền (DNA) vững chắc nhất, xác định nơi duy nhất thuần hóa lúa đại là vùng Dương Tử ( tức vùng hồ Động Đình).<sup>1</sup>

Cũng cần nói thêm, vào những năm 1980, từ việc phát hiện ra những hạt gạo cháy ở hang Xóm Trại, một di chỉ của văn hóa Hòa Bình cách đây 10000 năm, nhà

<sup>1</sup> [http://en.wikipedia.org/wiki/Rice#cite\\_note-26](http://en.wikipedia.org/wiki/Rice#cite_note-26). Theo nhà sinh vật học Nga N.I.Vavilov ( người rất quen thuộc ở Việt Nam), tất cả các cây trồng, trong đó có cây lúa, đều có gốc từ một loài cây hoang dại ở một vùng nhất định (Lapteff 2006:252).

nông học Đào Thế Tuấn (1982) đã từng nêu giả thuyết “Việt Nam là một quê hương của cây lúa”, “Nghề trồng lúa ở nước ta xuất hiện rất sớm, ra đời từ văn hóa Hòa Bình”.<sup>1</sup> Nhưng việc xác định niên đại của hạt gạo Xóm Trại lại cho thấy chúng là những hạt gạo thời Trần (Nguyễn Việt 2010:105). Như chúng ta đã thấy, hai giả thuyết mới nhất về nguồn gốc văn hóa Phùng Nguyên của Higham và Bellwood đều xác định nghề trồng lúa ở Bắc Việt Nam có gốc từ văn hóa Đại Khê, tức vùng hồ Động Đình (Chương 1).

Theo truyền thuyết Trung Quốc, vùng hồ Động Đình cũng là quê hương của Thần Nông. Tại Hồ Bắc hiện có “Suối Thần Nông” và “Khu rừng Thang Thần Nông” (nơi Thần Nông trèo thang mây lên xuống núi). Tại Hồ Nam còn có “mộ Thần Nông”.

Theo truyền thuyết Việt Nam, Kinh Dương Vương, cháu 4 đời của Thần Nông lấy con gái Long Vương hồ Động Đình đẻ ra Lạc Long Quân, Lạc Long Quân lấy Âu Cơ, đẻ ra bọc trăm trứng, nở ra trăm người con trai là tổ tiên của người Bách Việt, người con trai trưởng là Vua Hùng.

Như vậy, việc xác định nghề trồng lúa đến từ vùng Hồ Động Đình hay Thần Nông của người Việt đến từ phương Bắc là hoàn toàn phù hợp với cả truyền thuyết Việt Nam xưa và những thành tựu khoa học mới nhất nay.

## 5. Nguồn gốc của vua Hùng

Trong cuốn sách này, tôi sẽ chứng minh Vua Hùng cũng đến từ vùng hồ Động Đình nhưng vào đầu thế kỷ 7 TCN và không có liên quan gì tới người Mán Bạc.

Oxenham cho rằng đã có một sự hỗn chủng giữa người cổ phương Bắc – người Mongoloid và người cổ phương Nam–người Austra-Melanesian ở Mán Bạc để tạo thành người Việt hiện đại. Vậy người Mongoloid và người Austra-Melanesian là ai và họ từ đâu đến?

## 6. Thuyết Rời Châu Phi

Hiện các nhà nhân chủng học phân loài người thành 4 đại chủng: Mongoloid hay châu Á, Australoid hay châu Úc, Caucasoid hay châu Âu và Negroid hay châu Phi. Phần lớn người DNA thuộc tiểu chủng Mongoloid phương Nam, tức là con cháu của người thuộc đại chủng Mongoloid lai tạo với người thuộc đại chủng Australoid, còn gọi là người Australo-Melanesian (Australo=Phương Nam, Melanesian=Người Da Đen).

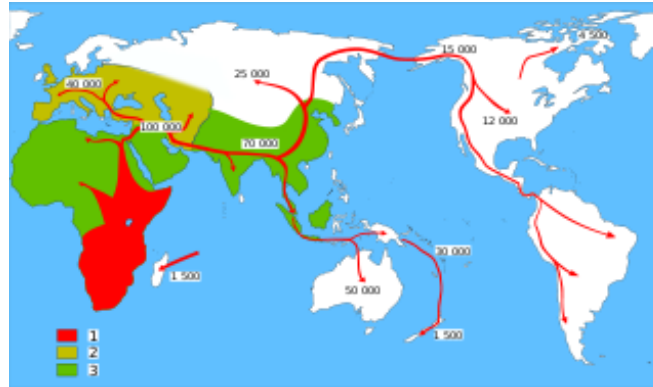
Theo thuyết mới nhất và được công nhận rộng rãi nhất về nguồn gốc loài người hiện nay, *Thuyết Rời châu Phi*<sup>2</sup> dựa trên nhân cốt học và di truyền học, tổ tiên của đại chủng Australoid là người Australoid cổ (Proto Australoid), rời châu Phi vào khoảng 60 000 năm TCN, di chuyển dọc theo vùng thềm lục địa ở Ấn Độ Dương (nay nằm dưới biển) tới bán đảo Ả rập, Nam Ấn Độ và DNA lục địa, sau đó phân thành hai nhánh, một

---

<sup>1</sup> Những thông tin này hiện vẫn còn thấy trên một số trang báo mạng Việt Nam.

<sup>2</sup> Tiếng Anh: Out of Africa, Recent single-origin hypothesis.

nhánh đi về phía Đông Bắc tới vùng ven biển Trung Quốc, Nhật Bản, một nhánh đi về phía Đông Nam tới Australia vào khoảng 50 000 TCN.<sup>1</sup>



**Hình 1:** Bản đồ thể hiện Thuyết Rời châu Phi.

**Nguồn:** [http://en.wikipedia.org/wiki/Recent\\_African\\_origin\\_of\\_modern\\_humans](http://en.wikipedia.org/wiki/Recent_African_origin_of_modern_humans)

Người đại chủng Australoid hiện vẫn còn ở sống rải rác ở Ấn Độ, Australia, Indonesia, Malaysia, và New Guinea. Tuy nhiên, các yếu tố da đen, tóc xoăn và gien của họ vẫn còn thấy đây đó ở nhiều tộc người cả ở Trung Quốc và ĐNA.



**Hình 2:** Người đại chủng Australoid nay: Andaman (Ấn Độ); Thổ dân Australia

**Nguồn:** telegraph.co.uk; <http://www.joshuaproject.net/>

Người đại chủng Mongoloid chính là con cháu của một nhóm Australoid cổ đi về phía Bắc châu Á cách đây 35-25 000 năm, một nhánh đi tiếp tới châu Mỹ cách đây khoảng 12 000 năm là tổ tiên của người Da Đỏ. Các đặc trưng da vàng, tóc thẳng, răng hình xèng... của chủng Mongoloid là kết quả của quá trình thích ứng với môi trường khí hậu lạnh phương Bắc.

<sup>1</sup> [http://en.wikipedia.org/wiki/Australoid\\_race](http://en.wikipedia.org/wiki/Australoid_race)





**Hình 3:** Người mang những nét Mongoloid điển hình: Cô dâu Mông Cổ; Thủ lĩnh Da Đỏ.  
**Nguồn:** elfwood.com; archives.gov.

Điều trớ trêu là, mặc dù Darwin, cha đẻ của thuyết tiến hóa trong sinh vật học từ lâu (1871) đã khẳng định quan điểm về một nguồn gốc duy nhất của loài người, nhưng với thuyết tiến hóa xã hội –bản địa, một số học giả vẫn tin và cố chứng minh rằng loài người có thể ra đời ở nhiều nơi khác nhau trên trái đất. Trên sách báo Việt Nam cũng đã từng xuất hiện quan điểm coi Việt Nam là một trong những quê hương của loài người, lấy bằng chứng là những răng Người Đứng Thẳng giống người vượn Bắc Kinh tìm thấy ở hang Thẩm Khuyên, Lạng Sơn có niên đại cách đây 475 000 năm (!).

Giờ đây, việc khẳng định châu Phi là quê hương duy nhất của người Hiện đại cho thấy nếu Người Khôn Ngoan không thiên di ra khỏi châu Phi thì sẽ không có loài người trên khắp thế giới ngày nay. Con người luôn muốn sống ổn định và hạnh phúc ở ngay quê hương đất nước mình. Nhưng thực tế, từ khi hình thành đến nay, loài người cũng luôn phải thiên di dù gần hay xa bởi vô số lý do: thiên tai, dịch bệnh, dân số tăng, thiếu đất trồng, chiến tranh, áp bức, nghèo đói... tất cả là những hằng số phũ phàng của lịch sử.

Phạm vi phân bố rộng của các ngữ hệ Ấn-Âu, Nam Á, Nam Đảo ngày nay rõ ràng phản ánh quá trình lan tỏa của các ngữ hệ đó gắn liền với các cuộc thiên di của những người nói các ngôn ngữ trên. Không ngẫu nhiên, sau khi viết cuốn “*Những nhà nông đầu tiên*” nói về sự lan tỏa hay truyền bá nông nghiệp gắn với văn hóa Đá Mới trên phạm vi toàn cầu, Bellwood lại bắt tay ngay vào viết cuốn “*Những di dân đầu tiên*” nói về những cuộc thiên di trên khắp thế giới từ thời tiền sử.<sup>1</sup>

Lịch sử thế giới cũng khẳng định nếu không có các cuộc thiên di, bản đồ thế giới cũng sẽ không có các nước Mỹ, Canada, Úc, Thái Lan, Lào, Malaysia, Singapore, Indonesia ngày nay. Tại các nước đó, việc thừa nhận tổ tiên, người sáng lập quốc gia hoặc từ châu Âu, hoặc từ Trung Quốc, Ấn Độ là điều bình thường và giản dị.

Việt Nam không phải và không thể là một nước ngoại lệ. Cuốn sách này sẽ chứng minh, lịch sử Việt Nam từ thời tiền sử đến thời Đại Việt về cơ bản là lịch sử của những cuộc thiên di của các nhóm Bách Việt.

Tóm lại, chính các cuộc thiên di đã tạo ra loài người cùng với nhiều quốc gia và dân tộc hiện tại. Nhờ khả năng thiên di, con người mới tồn tại và phát triển như ngày nay. Xét từ nhiều cấp độ (loài người-tộc người- cá nhân), thiên di là một qui luật, một động lực cho sự phát triển. Lịch sử các cuộc thiên di cũng là nội dung chủ yếu của lịch sử loài người và của nhiều tộc người, trong đó có lịch sử người Mường và người Việt.

---

<sup>1</sup> Bellwood cho biết theo kế hoạch, sách sẽ xuất bản vào tháng 7- 2013.



## **7. Quan hệ biện chứng di dân-dân bản địa**

Một đặc trưng nổi bật của các cuộc thiên di là hôn nhân hỗn hợp giữa người mới đến (thường đa số là nam giới) với phụ nữ bản xứ. Con cái từ các cuộc hôn nhân hỗn hợp là con lai, mang các yếu tố di truyền của cả cha và mẹ, theo qui luật sinh học, có những đặc tính tốt hơn. Người mới đến cũng thường phải học nói ngôn ngữ của người bản địa, của số đông, trước khi đưa những từ ngữ mới gắn với những yếu tố chính trị-văn hóa mới. Người mẹ nuôi con và con cái của các cặp vợ chồng hỗn hợp cũng thường nói thạo tiếng mẹ đẻ hơn tiếng cha đẻ. Di dân, một mặt mang đến những yếu tố văn hóa mới, mặt khác cũng tiếp thu các phong tục truyền thống bản địa. Ngay các yếu tố văn hóa mới cũng có quá trình biến đổi, thích ứng với môi trường bản địa.

Độc giả có thể thấy các ví dụ điển hình cho mối liên hệ biện chứng, tác động qua lại giữa di dân và dân bản địa qua hiện tượng Triệu Đà và con cháu lấy vợ Việt và tiếp thu văn hóa Việt (Chương 9).

Liên quan tới thuyết truyền bá-thiên di, bên cạnh mối quan hệ biện chứng nêu trên còn có mối quan hệ biện chứng giữa truyền bá và sáng tạo văn hóa.

## **8. Quan hệ biện chứng truyền bá -tiếp thu –đổi mới-sáng tạo**

Bản chất của văn hóa là tính cộng đồng, là các giá trị luôn được con người cùng nhau chia sẻ. Lịch sử cho thấy việc học hỏi, tiếp thu, kế thừa, đổi mới các yếu tố văn hóa từ các tộc người khác là nhân tố quan trọng nhất trong sự phát triển của một tộc người.

Nhìn ra thế giới, có thể thấy, thời Trung cổ, về nhiều mặt, châu Âu lạc hậu hơn châu Á. Nhưng từ thế kỷ 10 đến thế kỷ 16, châu Âu đã tiếp thu, cải tiến và đổi mới nhiều giá trị văn hóa do các dân tộc châu Á phát minh như thuốc súng, giấy, la bàn, nghề đóng tàu.v.v. để trở nên hùng mạnh và văn minh. Cuối thế kỷ 18, các chiến thuyền châu Âu với đại bác đã đánh bại các chiến thuyền Ả rập và Trung Quốc. Cuối cùng, các nước châu Á lại phải tiếp thu lại những giá trị của mình đã được đổi mới từ châu Âu.

Nhật Bản là một nước thời cổ và trung đại đã tiếp thu nhiều di dân và yếu tố văn hóa bao gồm nghề trồng lúa nước, nghề luyện kim, chữ viết, Phật giáo, Nho giáo, tổ chức triều chính từ Trung Quốc. Tuy nhiên, may mắn hơn Việt Nam, do Nhật là một đảo quốc, không bị Trung Quốc xâm lược, đô hộ nên người Nhật có thể chủ động và tích cực hơn trong quá trình tiếp thu văn hóa Trung Quốc, chủ yếu qua các nhà buôn nhà sư, nhà nho hoặc qua văn hóa Triều Tiên. Đó là nguyên nhân khiến người Nhật có thể đàng hoàng thừa nhận những gì họ tiếp thu từ Trung Quốc. Vào cuối thế kỷ 19, trước sự đe dọa của các thế lực thực dân phương Tây, Nhật Bản tiến hành công cuộc Minh Trị duy tân nhằm kết hợp những tiến bộ phương Tây với những giá trị truyền

thống phương Đông, với khẩu hiệu “phú quốc cường binh”, từ đó nhanh chóng biến Nhật thành một nước công nghiệp hùng mạnh. Ngày nay, những sản phẩm Nhật Bản nổi tiếng nhất trên thế giới là ô tô, xe máy, đồ điện tử, tất cả đều không phải là những sản phẩm có nguồn gốc Nhật Bản.

Ngay người Hoa cũng nổi tiếng là một dân tộc thực dụng, luôn cởi mở với các ảnh hưởng bên ngoài, có truyền thống giỏi bắt chước và cải tiến, khéo léo biến cái của người thành cái của mình.

Nhìn ra thế giới là như thế, nhìn về Việt Nam, chúng ta cũng thấy có khá nhiều thành tựu văn hóa đặc sắc là kết quả của quá trình tiếp thu-đổi mới- sáng tạo các yếu tố văn hóa từ Trung Quốc.

Ví dụ thứ nhất nhất là *Truyện Kiều*. Trần Quốc Vượng (2006:161) cho biết, cố học giả Tôn Quang Phiệt đã rất buồn và thất vọng khi thấy *Truyện Kiều* của Nguyễn Du gần như một bản dịch *Kim Vân Kiều truyện* của Thanh Tâm Tài Nhân, một nhà văn Trung Quốc thời Thanh. Một học giả Nhật Bản cũng nghĩ vậy. Tuy nhiên, nhà nghiên cứu văn học Thạch Giang đã chứng minh hùng hồn Kiều không phải là bản dịch bởi Nguyễn Du đã lược bỏ 2/3 bản gốc và sáng tác thêm 1941 câu. Trần Quốc Vượng cũng nhất trí với dịch giả Dương Tường, rằng bản dịch là tác phẩm thứ hai, dịch giả (giỏi) là đồng tác giả, như vậy vẫn là một người Sáng tạo.

Tôi hoàn toàn tán thành quan điểm trên. Rõ ràng, dựa trên bản gốc Trung Hoa, nhưng Nguyễn Du đã thực sự sáng tạo cho người Việt Nam một *Truyện Kiều* với những câu thơ lục bát thấm đẫm hồn Việt, bản sắc Việt, từ đó bao đời làm rung động trái tim khối óc người Việt. Với tài năng phi thường, Nguyễn Du đã biến một tác phẩm bình thường trong văn học Trung Quốc trở thành một tuyệt tác, thành quốc bảo, quốc hồn, quốc túy Việt Nam.

Tướng Nguyễn Sơn, tức Vũ Nguyên Bác (1906-1956), vị tướng của cả Việt Nam và Trung Quốc, cho biết:

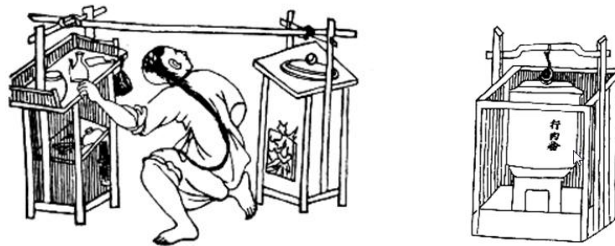
*"Sở dĩ ở Trung Quốc ít người biết tới Kim Vân Kiều truyện của Thanh Tâm Tài Nhân, vì tác giả này chỉ dừng lại ở một câu chuyện phù phiếm, nhạt nhẽo, mô tả khách làng chơi "mua nguyệt bán hoa" của bọn Tú Bà, Bạc Bà, Bạc Hạnh, cùng bọn nhà giàu, bọn quan lại. Truyện không hề có tính triết lý nhân văn, không ý nghĩa xã hội và nghệ thuật hết sức tầm thường. Cụ thể Từ Hải của Thanh Tâm Tài Nhân có gốc tích một tay học trò dốt, làm nghề mổ bò, giết trâu, tiếp là đi cướp của và bắt cóc gái đẹp...."*

*Với Nguyễn Du, Từ Hải được sáng tạo thành hình tượng anh hùng cứu thế, cứu nhân, đưa Kiều ra khỏi lầu xanh của Tú Bà, mang lại cho nàng những ngày sống thoải lòng ân oán và hạnh phúc dù ngắn ngủi. Với Thuý Kiều trong "Kim Vân Kiều truyện" chỉ là cô gái mắc cạn, phải bán mình chuộc cha. Khi Bạc Bà, Bạc Hạnh đưa Kiều đến nhà Tú Bà để hầu khách làng chơi, ngồi trong kiệu, Kiều tỏ ra vui vẻ, mãn nguyện với việc dâm ô mà mình sẽ làm ở lầu xanh. Trái lại Kiều của Nguyễn Du không chỉ đẹp nghiêng nước, nghiêng thành mà trong hoàn cảnh ô trọc ghê tởm đó, nàng đã thét lên những lời căm thù oán hận: Chém cha cái kiếp má đào.../ Tiếc thay nước đã đánh phen.../ Đau đớn thay phận đàn bà...!"<sup>1</sup>*

<sup>1</sup> Theo Phạm Văn Sĩ: *Tướng Nguyễn Sơn trong ký ức nhà thơ Hữu Loan*. <http://giaovn.blogspot.com/2013/10>

Ví dụ thứ hai là bốn câu ca dao “*Cày đồng đang buổi ban trưa, mồ hôi thánh thót như mưa ruộng cày, Ai ơi bưng bát cơm đầy, Dẻo thơm muôn hạt đắng cay muôn phần*”. Nguyên gốc của chúng chính là một bài thơ Đường của Lý Thân nhưng đã được một người Việt vô danh dịch và chuyển thành một bài ca dao Việt tuyệt vời hoàn hảo.

Ví dụ thứ ba là phở, hiện là món ăn đặc trưng và nổi tiếng nhất trong các món ăn Việt Nam, nhưng có gốc từ một món ăn Quảng Đông. Học giả Nguyễn Dư<sup>1</sup> đã chứng minh phở có gốc từ món *ngưu nhục phấn* (bánh gạo thịt bò), gọi tắt là *nhục phấn*. Tên gọi món đó trong văn của Tản Đà chuyển thành *nhục phở* và cuối cùng thành phở. Hai bức tranh dân gian trong sưu tập tranh Oger, một vẽ một người Hoa ( để tóc đuôi sam kiểu thời Thanh) bán phở rong cuối thế kỷ 19 ở Hà Nội, một vẽ một thùng nước dùng có chữ *hàng nhục phấn* bằng chữ Hoa khẳng định điều nói trên.



**Hình 4:** Người bán phở xưa; Thùng nước phở xưa  
**Nguồn:** Nguyễn Dư 2001

Tuy nhiên, ngày nay sang Quảng Đông, chúng ta sẽ không tìm thấy món ăn nào giống phở và ngon như phở. Bởi người Việt Nam đã đổi mới món *ngưu nhục phấn* Quảng Đông thành các loại phở với đủ các loại thịt bò, trâu, gà, lợn sốt vang, với muôn sắc màu mùi vị mang phong cách vùng miền, rõ ràng và hoàn toàn mang bản sắc Việt.

Ví dụ thứ tư là tranh Đông Hồ. Để thấy tranh *Đám cưới chuột* của làng Đông Hồ rất gần gũi với bức *Lão thử giá thân* ( Lão chuột cưới vợ) ở Tứ Xuyên.

<sup>1</sup> <http://chimviet.free.fr/nddg/nddg061.htm>



**Hình 5:** Tranh Đông Hồ; Tranh Tứ Xuyên  
**Nguồn:** vov.vn; china.com.cn

Tuy nhiên, chúng ta thấy tranh *Đám cưới chuột* Đông Hồ có sắc màu và vẽ đẹp rất riêng nhờ có nền điệp trên giấy dó. Được biết, nhiều nơi ở Trung Quốc có tranh *Đám cưới chuột*, nhưng không có nơi nào có tranh với nền điệp lung linh huyền ảo như tranh Đông Hồ. Ngoài ra, tranh Đông Hồ còn có những đề tài và nhân vật rất Việt Nam như *Hứng dừa*, *Đánh ghen*. Không ngẫu nhiên, tranh Đông Hồ, như Phan Cẩm Thượng trong một bài báo cho hay, “vẫn có chỗ đứng trên thị trường Trung Quốc”.

Suy cho cùng, nhiều giá trị văn hóa nhiều người vẫn tưởng là văn hóa Trung Hoa nhưng thực ra có cội nguồn Bách Việt và đã đến Việt Nam cùng với di dân Bách Việt. Chúng ta sẽ quá vô lý và bất công khi đòi hỏi tổ tiên mình thời xa xưa phải luôn tự sáng tạo ra phần lớn các giá trị văn hóa khi ngày nay chúng ta, để xây dựng một xã hội văn minh, hiện đại luôn phải tiếp thu hầu hết những điều gọi là “văn minh, hiện đại” đó từ bên ngoài thông qua các quá trình thiên di-truyền bá.

## 9. Mặc cảm nguồn gốc phương Bắc

Tại Việt Nam, trong khi một số học giả vẫn kiên trì với thuyết tiến hóa bản địa, tìm mọi cách chứng minh nguồn gốc bản địa của văn hóa Phùng Nguyên, văn hóa Đông Sơn, của người Phùng Nguyên và người Đông Sơn thì một số người lại có tâm lý mặc cảm muốn chối bỏ nguồn gốc phương Bắc của tổ tiên mình. Một ví dụ điển hình là câu chuyện viết gia phả họ Lại.

Nhà nghiên cứu văn học Lại Nguyên Ân, trong một tham luận cho Hội thảo khoa học “*Thái sư Tráng quốc công Lại Thế Vinh và dòng họ Lại*” tổ chức tại Nam Định ngày 7/11/2008<sup>1</sup> cho biết: trong bản thảo cuốn *Phả họ Lại* (1990) đã bỏ đi phần nói về sự trùng hợp họ tên giữa Lại Tiên- viên quan thái thú của nhà Hán tại Giao Chỉ (khoảng 180-200) với Lại Thế Tiên- người thời Lý Trần, theo tương truyền là vị thủy tổ của của các dòng họ Lại ở Việt Nam. Lý do của việc đó một phần là do “tình hình căng thẳng cuối những năm 1970 dẫn đến chiến tranh biên giới năm 1979, dẫn đến việc một số cuộc thăm viếng của các chi họ Lại ngoài Bắc đến Quang Lăng (Hà Trung, Thanh Hóa)

<sup>1</sup> Lại Nguyên Ân [www.viet-studies.info/LaiNguyenAn\\_PhaHoLai.htm](http://www.viet-studies.info/LaiNguyenAn_PhaHoLai.htm)

những năm ấy đã bị địa phương nghi ngờ, cho là sự gặp gỡ giữa những cư dân người “Minh hương” và do đó đôi khi gây khó khăn một cách không cần thiết. Nói rộng hơn, soạn giả và ban tu phả đã phải tình tảo với ngòi bút, sao cho bản thảo cuốn phả không bị dính dấp vào một ý tưởng theo đó thì họ ta là từ phương Bắc sang đây, – ý tưởng này đôi khi vẫn len lỏi trong suy nghĩ của người trong họ về nguồn gốc họ mình, cũng như trong không ít dòng họ khác ở Việt Nam, một ý tưởng trở nên đặc biệt tai hại trong cư dân ta vào những năm 1980”.

Câu chuyện trên cho thấy tác động tiêu cực của quan hệ chính trị Việt -Trung tới ý thức về nguồn gốc, dù chỉ là nguồn gốc một dòng họ. Trong bối cảnh hai nước tiếp tục có tranh chấp chủ quyền hai đảo Hoàng Sa, Trường Sa hiện nay, liệu việc thừa nhận tổ tiên mình có cội nguồn phương Bắc vẫn còn là một “ý tưởng tai hại” hay vẫn là một kiêng kỵ với người Việt ?

Tổ tiên người Việt Nam đến từ phương Bắc, đó là điều truyền thuyết Hồng Bàng lưu truyền và nhắc nhở. Nguồn gốc phương Bắc của nhiều nhân vật lịch sử, văn hóa Việt Nam cũng là điều có thể chứng minh (Phụ lục 3 B, 3 C). Không ít dòng họ ở Việt Nam bằng ký ức hay gia phả cũng ghi nhận tổ tiên mình đến từ phương Bắc.

Câu hỏi được đặt ra ở đây là liệu một nhận thức về cội nguồn phương Bắc của một dòng họ hay của cả dân tộc Việt Nam thời xa xưa liệu có thể có ảnh hưởng tiêu cực tới tinh thần dân tộc hay lòng yêu nước của người Việt Nam?

Như chúng ta sẽ thấy, nhiều vị anh hùng-vị vua của Việt Nam có tổ tiên đến từ phương Bắc, nhưng điều đó đã không hề mấy may có ảnh hưởng tiêu cực tới tinh thần độc lập dân tộc, lòng yêu nước và ý chí tự cường Đại Việt của họ.

Thực tế, ý thức của con người về đất nước, quê hương hiện tại bao giờ cũng mạnh mẽ và thiết thực hơn nhiều ý thức về một cội nguồn quá xa xôi.

Hồ Quý Ly đã công khai thừa nhận nguồn gốc phương Bắc của mình bằng cách đổi tên nước Đại Việt thành Đại Ngu, theo tên gọi Ngu Thuấn của ông tổ, một vị vua huyền thoại phương Bắc. Nhưng điều đó không hề ngăn cản ông tích cực chuẩn bị cho cuộc kháng chiến giữ nước, lo sao có “100 vạn quân để đánh giặc Bắc”, xây thành Đa Bang, đóng thuyền lớn, dựng nhiều bãi cọc ở các cửa bể, các nơi hiểm yếu trên các sông lớn mang truyền thống và ý chí Bạch Đằng... Dù cho cả công cuộc cải cách và cuộc kháng chiến của Hồ Quý Ly đều thất bại, nhưng lòng yêu nước và tinh thần dân tộc của ông “người anh hùng còn để hận ngàn năm” (lời Nguyễn Trãi) là điều rõ ràng và vững chắc như Thành nhà Hồ, giờ đây đã trở thành một Di sản Thế giới.

Cũng cần biết rằng phần lớn các tộc ít người ở vùng biên giới phía Bắc như Tày, Nùng, Thái, Mông, Dao, Lô Lô, Hà Nhì... chắc chắn có cội nguồn phương Bắc. Nhưng trong quá trình dựng và giữ nước Việt Nam, họ đều đã có những đóng góp quan trọng không thể phủ nhận.

Liệu có công bằng với tổ tiên và với các tộc người khác, khi người Việt chúng ta có chứng minh nguồn gốc bản địa duy nhất của mình? Liệu khi chúng ta muốn cắt bỏ

một phần quá khứ của dân tộc mình, hiện tại và tương lai của chúng ta sẽ trọn vẹn hơn? Liệu tổ tiên chúng ta, như chúng ta hằng tin là có sự chứng giám linh thiêng, nghĩ gì khi con cháu không thừa nhận vùng đất khởi nguyên của Ông Bà?

### **Kết luận**

Trước đây, với sự thịnh hành của thuyết tiến hóa-bản địa, có những học giả tin rằng có nhiều chiếc nôi của loài người cũng như có nhiều quê hương của cây lúa châu Á trên thế giới.

Nhưng ngày nay, từ những thành tựu khoa học liên ngành, đặc biệt từ di truyền học, đa số các nhà khoa học đã công nhận chỉ có một quê hương loài người ở châu Phi và chỉ có một quê hương của cây lúa nước châu Á ở vùng Dương Tử, Nam Trung Quốc. Đó là hai ví dụ tiêu biểu đã ủng hộ mạnh mẽ cho sự trở lại của thuyết truyền bá – thiên di vào những năm cuối thế kỷ 20, khẳng định chính các cuộc thiên di của con người và sự truyền bá văn hóa có vai trò quyết định trong quá trình hình thành và phát triển của loài người và văn hóa loài người. Việc Bellwood, một nhà tiền sử học hàng đầu thế giới trong những năm gần đây tập trung nghiên cứu và viết hai cuốn sách liên về quá trình truyền bá nông nghiệp-ngôn ngữ-văn hóa Đá Mới và về các cuộc thiên di trên phạm vi toàn thế giới là bằng chứng hùng hồn cho sự trở lại đó.

Lấy nay hiểu xưa, chúng ta có thể nhìn vào lịch sử Việt Nam suốt thế kỷ 20 và đầu thế kỷ 21 để hiểu rằng những cuộc truyền bá-thiên di, với những cách thức, mức độ, phạm vi khác nhau, đã có vai trò thế nào trong sự biến đổi, phát triển của nước Việt Nam và văn hóa Việt Nam thời hiện đại.

Chúng ta không thể thay đổi được lịch sử hay quá khứ nhưng có thể thay đổi nhận thức về chúng. Và một nhận thức đúng về quá khứ có thể góp phần đem lại những định hướng đúng cho hiện tại và tương lai.